TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGŨ HÀNH SƠN** **TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2020/QĐST-HNGĐ	*Ngũ Hành Sơn, ngày 02 tháng 01 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 98/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019, giữa:

*** Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị Hồng Đ.** Sinh năm: 1987
Hộ khẩu thường trú: Tổ 15, thị trấn Hà L, huyện Thăng B, tỉnh Quảng Nam.
Tạm trú tại: Số 224 đường Nguyễn Duy T, Tổ 65, phường Hòa H, quận Ngũ Hành S, TP. Đà Nẵng;

*** Bị đơn:** Ông **Lê Văn T1.** Sinh năm: 1985
Hộ khẩu thường trú: Tổ 15, thị trấn Hà L, huyện Thăng B, tỉnh Quảng Nam.
Tạm trú tại: Số 224 đường Nguyễn Duy T, Tổ 65, phường Hòa H, quận Ngũ Hành S, TP. Đà Nẵng;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 12 năm 2019;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 12 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Hồng Đ với ông Lê Văn T1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng Đ với ông Lê Văn T1 thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Bà Đ và ông T1 thống nhất thỏa thuận sau khi ly hôn, giao con chung tên Lê Ngọc Ánh M, sinh ngày 12/7/2014 cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông T1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày ngày 01/01/2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Bên không nuôi con vẫn có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản tiền phải trả, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: Không có.

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 150.000 đồng, bà Đ tự nguyện chịu.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con chung 150.000 đồng, bà Đ tự nguyện chịu, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0009741 ngày 29/11/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ□ợc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Chi cục thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn;
- VKSND quận Ngũ Hành Sơn;
- UBND xã Hương An, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam (số 06/2012);
- Lưu hồ sơ;

THẨM PHÁN

Lê Văn Lâm